

LÝ LUẬN CỦA N.Ia.ĐANHILEVSKI VỀ CÁC LOẠI HÌNH VĂN HOÁ - LỊCH SỬ VÀ Ý NGHĨA CỦA NÓ TRONG SỰ PHÁT TRIỂN XÃ HỘI NGÀY NAY

NGUYỄN HUY HOÀNG(*)

Bài viết đề cập đến một trong những cách tiếp cận văn hóa, văn minh, đó là lý luận của N.Ia.Đanhilevski về các loại hình văn hóa - lịch sử trong cuốn "Nước Nga và châu Âu". N.Ia.Đanhilevski gạt bỏ những quan niệm về một tuyến đường duy nhất trong sự phát triển của nhân loại, gạt bỏ tư tưởng cho rằng lịch sử là một sự tiến bộ không ngừng của một lý trí chung nào đó. Đánh giá cao quan điểm lý luận đó của N.Ia.Đanhilevski, song tác giả bài viết cho rằng, trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay, sự kết hợp chặt chẽ giữa cách tiếp cận hình thái kinh tế - xã hội với cách tiếp cận văn hóa, văn minh sẽ là phương cách tốt nhất để giải quyết những vấn đề mà thực tiễn đang vạch ra.

1. Trong bối cảnh toàn cầu hoá ngày nay, những vấn đề văn hoá, văn minh ngày càng trở nên gắn gũi và cấp thiết với đời sống con người. Trên bình diện lý luận, cách tiếp cận văn hoá, văn minh ngày càng lan truyền rộng rãi và thu hút sự quan tâm của không ít các học giả. Số lượng ấn phẩm về vấn đề này được dịch ra tiếng Việt trong thời gian gần đây đã cho thấy rõ điều đó. Ví dụ, Alvin Toffler với *Đợt sóng thứ ba*; Samuel P.Huntington với *Sự va chạm của các nền văn minh*; Thomas L.Friedman với *Chiếc Lexus và cây ô liu, Thế giới phẳng*; Dominique Wolton với *Toàn cầu hoá văn hoá*;...

Cách tiếp cận văn minh với lịch sử không phải mới xuất hiện, mà đã có tiền đề, đã hình thành và phát triển từ lâu. Với cách tiếp cận hình thái, C.Mác chỉ ra rằng, phương thức sản xuất là nền tảng, là cơ sở hạ tầng để đời sống xã hội tồn tại và phát triển. Bộ *Tư bản* đồ sộ của ông chính là sự luận chứng khoa học cho quan niệm nhận thức duy vật lịch sử, cho cách tiếp cận hình thái kinh tế - xã hội. Từ một hướng khác, trong *Nền đạo đức Tin lành và tinh thần của chủ nghĩa tư bản*, Max

Weber đã chỉ ra rằng, văn hoá và tôn giáo đã giữ một vai trò quan trọng như thế nào trong sự hình thành chủ nghĩa tư bản. Có thể nói, chính Max Weber đã góp phần không nhỏ trong việc hình thành nên *cách tiếp cận văn minh*. Tuy nhiên, những biến chuyển của đời sống cùng với lịch sử phát triển lý luận lại cho chúng ta thấy rằng, không nên vội vã khẳng định cái này mà phủ định cái kia.

Ngày nay, không ít các nhà nghiên cứu, trước tiên phải kể đến V.X.Stropin - nguyên Viện trưởng Viện triết học Nga, cho rằng phải kết hợp cả hai cách tiếp cận nêu trên thì mới hy vọng tìm ra được phương cách để giải quyết những vấn đề mới, cấp bách trong cuộc sống ngày nay. Hơn nữa, cũng theo V.X.Stropin, ngay trong di sản lý luận của C.Mác, chúng ta cũng có thể thấy cả hình dáng của cách tiếp cận văn minh. Tất nhiên, đó là một phương hướng nghiên cứu khá hay và đòi hỏi một sự đầu tư thích hợp. Nhưng, trước tiên, để đến được với đề tài đó, ít nhiều, chúng ta phải tìm hiểu về cội nguồn và sự hình thành của tiếp cận văn minh.

(*) Tiến sĩ, Trưởng phòng Triết học văn hóa, Viện Triết học, Viện Khoa học xã hội Việt Nam.

Trong các công trình nghiên cứu hiện nay, hầu như mọi người đều cho rằng, Đanhilevxxki, Spengler, A.Toynbee và Leônchiev là bốn nhà khoa học đã đặt nền móng cho cách tiếp cận văn minh. Nhưng, ở đây, chúng tôi chỉ đề cập đến N.Ia.Đanhilevxxki (28/11/1822 – 7/11/1885) – nhà triết học Nga được coi là một trong những người khai sinh ra cách tiếp cận văn hoá, văn minh.

2. Trong di sản phong phú và đồ sộ của N.Ia.Đanhilevxxki, *Nước Nga và châu Âu* có một vị thế đặc biệt. Trong công trình độc đáo này, N.Ia.Đanhilevxxki muốn đem lại một lược đồ mới để xây dựng lịch sử. Ông đã gạt bỏ những quan niệm về một tuyến đường duy nhất trong sự phát triển của nhân loại, gạt bỏ tư tưởng cho rằng lịch sử là một sự tiến bộ không ngừng của một lý trí chung nào đó. Theo ông, chỉ tồn tại những nền văn minh riêng biệt, sự phát triển của *các loại hình văn hoá - lịch sử riêng biệt*. Kết luận chủ yếu của cuốn sách là, thế giới Xlavơ không được ấn định để đổi mới và canh tân nhân loại, để tìm thấy cách giải quyết lịch sử cho toàn nhân loại, mà nó chỉ là một loại hình văn hoá - lịch sử đặc biệt tồn tại cùng với các loại hình văn hoá - lịch sử tương đương khác. Phải thừa nhận rằng, cách giải quyết này đã khắc phục được nhiều khó khăn trong khoa học lịch sử và vẫn còn giữ nguyên tính cấp bách cho đến tận ngày nay. Học vấn uyên bác của tác giả cùng những tri thức về khoa học lịch sử cổ đại và cận đại, về kinh tế, xã hội học, dân tộc học, chính trị học và văn học đã góp phần không nhỏ trong việc dẫn dắt ông đi tới kết luận đó. Có thể nói, lý luận về các loại hình văn hoá - lịch sử của Đanhilevxxki là sự khai mở cho cách tiếp cận văn minh với lịch sử.

Chúng ta đều biết rằng, trong nghiên

cứ khoa học, vấn đề phương pháp luận giữ một vai trò quyết định đặc biệt. Trong *Nước Nga và châu Âu*, Đanhilevxxki đã dùng lý luận hữu cơ làm cơ sở phương pháp luận để xây dựng khái niệm “các loại hình văn hoá - lịch sử”. Vì thế, trước khi đề cập đến những nội dung cụ thể trong lý luận của Đanhilevxxki, việc tìm hiểu cơ sở phương pháp luận của nó là điều cần thiết.

Có thể nói, trong triết học cũng như trong xã hội học và lịch sử, Đanhilevxxki là người kế tục và phát triển lý luận hữu cơ. Theo ông, phương pháp luận của “cơ thể” cho phép tạo nên cấu trúc thế giới quan phi mâu thuẫn để thấu hiểu tự nhiên và xã hội như một phần của thế giới thống nhất rồi từ đó, rút ra những quy luật hoạt động và phát triển của chúng. Dựa vào cái được gọi là “nguyên tắc hình thái học”, ông xem xét hệ thống lý luận đang thống trị trong khoa học lịch sử lúc đó và cho rằng, nó hoặc là nhân tạo, hoặc là tự nhiên. Đường hướng đầu tiên, theo Đanhilevxxki, là nhân tạo đã thể hiện dấu ấn ảnh hưởng tư duy tư biện của Hegel nên mô hình phát triển của châu Âu vẫn thường được xem là phổ quát. Ngược lại, đường hướng thứ hai lại cố gắng giải thích quá trình lịch sử với tính khách quan tối đa, hình dung nó như một tập hợp các hình thái sinh hoạt đã được cá tính hoá sâu sắc, như sự đa dạng của các dân tộc đang tồn tại một cách độc đáo và được xác định bởi những nhân tố, những động lực vốn có của mình. Nói cách khác, đối lập với phương pháp luận tư biện, trừu tượng của Hegel, Đanhilevxxki đã đưa ra một phương thức giải thích lịch sử hoàn toàn khác: *từ những đối tượng cụ thể, thông qua việc đối chiếu và so sánh tương quan với nhau, dẫn tới việc giải thích lịch sử toàn thế giới nói chung*. Cụ thể là, hệ

thống nhân tạo - trừu tượng, trong khi giải thích lịch sử, đưa ra “một kế hoạch thống nhất”, “một sợi chỉ dẫn đường duy nhất trong sự phát triển của nhân loại” và tạo nên một nền văn minh chung duy nhất; trong khi đó, hệ thống tự nhiên lại xuất phát từ sự tồn tại của các nền văn minh riêng biệt được phát triển một cách nội tại và tất nhiên là, trong sự tương tác qua lại với nhau.

Ở Nga, lý luận hữu cơ đã có một quá trình lịch sử lâu dài, bao trùm suốt thế kỷ XIX và giữ được ảnh hưởng lớn trong suốt thế kỷ XX. Nguyên tắc hữu cơ đã ảnh hưởng và tác động đến triết học của Berdiaev, đến suy tư của Vernadsky, đến những tư tưởng cơ bản của “chủ nghĩa vũ trụ Nga”. Có thể nói, triết học Schelling là cội nguồn trực tiếp của cơ sở phương pháp luận này. Bản thân Schelling đã kế thừa, phục hồi và phát triển cách hiểu thế giới với tư cách một chỉnh thể sống động đã được nảy sinh từ thời Cổ đại và được duy trì qua thời Trung cổ. Phân chia sự tồn tại của thế giới thành cái hữu cơ và cái vô cơ, Schelling đã lấy cái hữu cơ, cái sống động làm cái thứ nhất, cái khởi nguyên và xem cái sống động này là cái thể hiện trực tiếp bản chất của tinh thần thế giới - cái tuyệt đối. Và ngược lại, ông xác định cái chết, cái vô cơ là cái sống động đã bị dờ dẫm, là cuộc sống đã bị kiệt quệ. Cái phổ quát vốn có ở mọi nơi, nhưng trong những mức độ tích cực hay tiêu cực khác nhau, “cái khởi nguyên sống động” là bản chất của cơ thể sống thế giới bao gồm những bộ phận tích hợp - các cơ quan mà mỗi một trong chúng, đến lượt mình, lại là cơ thể sống riêng biệt. Theo trình tự từ đơn giản đến phức tạp, từ cái đơn nhất đến cái chung và cái phổ quát, mỗi cơ quan - cơ thể ấy lại là một sự tồn tại riêng biệt, cá nhân, là một cái gì đó nguyên vẹn, duy nhất và tương

tự với cơ thể sống toàn thế giới. Vì vậy, tất cả “các tổ chức”, nếu chúng dường như có khác biệt thì điều đó không phụ thuộc vào vị trí của chúng trong trình tự, đẳng cấp, mà chỉ theo “nguồn gốc vật lý” của chúng là “những nấc thang khác nhau của cùng một cơ thể”. Như vậy, tự nhiên nói chung bao gồm tinh thần thế giới như khởi nguyên và bản chất của mình là đại vũ trụ, còn tất cả các cơ thể sống ở những nấc thang khác nhau lại tùy vào sự phóng chiếu của cái tuyệt đối là tiểu vũ trụ, là các cơ quan của đại vũ trụ.

Công trình *Nước Nga và châu Âu* được bắt đầu từ những suy tư của tác giả về mối quan hệ của châu Âu với nước Nga, và ngược lại. Tác giả đã đặt câu hỏi: “Tại sao châu Âu lại thù địch với nước Nga?”. Ở thế kỷ XIX, nước Nga đã chẳng cứu châu Âu khỏi Napôleon và đem lại tự do cho nó đấy sao? Nước Nga cũng đã cứu nước Pháp khỏi sự xâm xé của châu Âu, đã cứu nước Áo khỏi sự sụp đổ tận cùng. Nhưng, “người ta chẳng bao giờ giảng giải những bài học lịch sử này”. Châu Âu tin rằng nước Nga là “một quốc gia hiếu chiến khổng lồ”, là một quốc gia thường xuyên mở rộng lãnh thổ của mình nhờ những cuộc chiến tranh xâm lược. Nước Nga cũng là “ngọn lửa của ánh sáng và tự do”. Đanhilevski đã phân tích cặn kẽ những vấn đề đó và kết luận rằng, châu Âu không chỉ không hiểu nước Nga, mà thậm chí còn không muốn hiểu. Ông đã chỉ ra những nét độc đáo của địa lý cùng văn hoá - lịch sử của châu Âu và cho rằng, nước Nga không thể tránh khỏi việc châu Âu hoá. Song, người châu Âu đã sai lầm khi tự cho mình đã tạo nên một nền văn hoá hoàn thiện nhất và tột đỉnh nhất mà giờ đây, các nước khác chỉ cần noi theo và phổ biến. Theo Đanhilevski, thật ra, ở châu Âu, người ta đã không chú ý đến ba vấn

đề: 1/ Tiến bộ có khả năng xuất hiện cả ở ngoài con đường đã được hình thành bởi ai đó; 2/ Cần phải quy định một cách chính xác cái gì được xem là tiến bộ, cái gì không được xem là tiến bộ; 3/ Các hình thức chính trị được hình thành bởi một dân tộc cụ thể là sự tự hào của chính dân tộc này.

Như vậy, một hệ thống nhân tạo (sản phẩm của lý trí) mà không phải là hệ thống tự nhiên (đôi theo các sự kiện) đang ngự trị trong lịch sử. Đanhilevski khẳng định rằng, việc phân kỳ lịch sử ở thời ông là không thích hợp, không nên chia lịch sử thành cổ đại, trung cổ, cận đại, v.v..

Tiến bộ không phải là một đường thẳng tuyến tính, mà nó được phân ra theo các kiểu tổ chức được đặc trưng bởi sự đa dạng và sự hoàn thiện của các hình thức có những nấc thang và sự tăng trưởng riêng của mình. Không có một nền văn minh chung toàn nhân loại. Đanhilevski đề nghị xem xét lịch sử và tiến bộ qua các loại hình văn hoá - lịch sử. Ông viết: “Như vậy, hệ thống tự nhiên của lịch sử cần phải nằm trong sự khác biệt của các loại phát triển văn hoá - lịch sử” và “các loại văn hoá - lịch sử này, hay những nền văn minh độc đáo, đặc sắc này được xếp đặt theo trình tự thời gian như sau: 1/ Ai Cập; 2/ Trung Quốc; 3/ Atxiri – Vavilon – Phinhitxki; 4/ Ấn Độ, 5/ Iran; 6/ Do thái; 7/ Hy Lạp, 8/ La Mã; 9/ Aravixki; 10/ Gicemanh – Rôman, hay là châu Âu. Còn có thể liệt kê thêm vào danh sách hai loại hình châu Mỹ: Mécxich và Pêru đã bị diệt vong và không kịp hoàn thiện sự phát triển của mình”(1).

Tiếp đó, Đanhilevski chia các loại hình kể trên thành hai loại: loại kế thừa (Ai Cập, Hy Lạp, La Mã) và loại biệt lập (Trung Quốc, Ấn Độ). Để chứng minh rằng sự phát triển của nhân loại trải qua các loại hình văn hoá - lịch sử trên,

Đanhilevski đã xem xét mối tương quan giữa cái chung của nhân loại (toàn nhân loại) với cái dân tộc (quốc gia) và khẳng định rằng, cái quốc gia (dân tộc) thuộc về cái chung toàn nhân loại, cũng như các phổ phường giao nhau và chính sự giao nhau này đã tạo nên quảng trường mà đến lượt mình, trong quan hệ với các phổ phường, quảng trường này chỉ là một phần tạo nên chúng và thuộc về tất cả các phổ phường như nhau. Do vậy, để có thể tác động tới toàn nhân loại, cần phải sửa chữa phổ của mình theo một kế hoạch riêng mà không đụng chạm tới quảng trường chung. Theo tư tưởng của Đanhilevski, một nền văn minh toàn nhân loại là lý tưởng không đạt được.

Các loại hình văn hoá - lịch sử vốn có trong mình những quy luật vận động và phát triển đặc biệt. Đanhilevski đã chỉ ra năm quy luật như thế(2) và dành hẳn một chương để xem xét chúng.

- Quy luật 1: Một bộ lạc hay một gia đình bất kỳ của các dân tộc được đặc trưng bởi ngôn ngữ riêng biệt hay một nhóm ngôn ngữ gắn gũi với nhau một cách tự nguyện... tạo thành một loại hình văn hoá - lịch sử độc đáo.

- Quy luật 2: Để một nền văn minh vốn thuộc về một loại hình văn hoá - lịch sử có thể nảy sinh và phát triển, cần phải sao cho các dân tộc vốn thuộc về nó được sử dụng sự độc lập với chính trị.

- Quy luật 3: Cơ sở nền tảng văn minh của mỗi loại hình văn hoá - lịch sử không được trao truyền cho các dân tộc của loại hình khác. Mỗi một loại hình được tạo ra trong sự ảnh hưởng ít nhiều của những nền văn minh xa lạ, tồn tại trước hay cùng thời với nó.

(1) N.Ia.Đanhilevski. *Nước Nga và châu Âu*. Mátxcova, 1991, tr.87-88.

(2) Xem: N.Ia.Đanhilevski. *Sđd.*, tr.91-92.

- Quy luật 4: Nền văn minh của mỗi loại hình văn hoá - lịch sử chỉ đạt tới sự trọn vẹn, sự đa dạng và sự phong phú khi và chỉ khi các nhân tố dân tộc học tạo thành nó trở nên đa dạng, chỉ khi chúng sẽ không bị hấp thụ bởi mỗi mục đích chính trị để tạo thành liên bang hay một hệ thống chính trị quốc gia.

- Quy luật 5: Quá trình phát triển của các loại hình văn hoá - lịch sử ngày càng giống với cây lâu năm mà ở chúng thời kỳ trưởng thành kéo dài không xác định, nhưng thời kỳ trở hoa và kết trái lại tương đối ngắn và lại luôn làm cạn kiệt sức sống của chúng.

Chính những quy luật này đã đảm bảo cho sự kết tập lại của các hiện tượng lịch sử trở nên đúng đắn và tuân theo các quy luật của hệ thống tự nhiên. Cũng chính vì thế, sự phát triển của nhân loại không thể đi theo một con đường nào khác bằng cách thông qua sự phát triển của các loại hình văn hoá - lịch sử độc đáo tương ứng với các bộ tộc vĩ đại.

3. Ngay từ khi mới được công bố, *Nước Nga và châu Âu* của N.Ia.Đanhilevski đã làm dấy lên những ý kiến và thái độ khác nhau. Nếu như Xtarakhov và Leonchiev hân hoan tiếp nhận nó, thì Xaloviev lại phê phán và muốn bác bỏ. Xaloviev đã gọi lý luận của Đanhilevski là "lý luận của loài bò sát", buộc tội lý luận này làm nhen nhóm những mối bất hoà, hiềm khích giữa các dân tộc. *Rốt cuộc thì lý luận của Đanhilevski chủ ý muốn nói gì? Đanhilevski hoàn toàn không chống lại châu Âu, mà chỉ muốn chống lại chủ nghĩa châu Âu trung tâm, chống lại sự quy lụy và bắt chước châu Âu. Theo ông, tội lỗi lớn nhất là việc đánh mất bản sắc của dân tộc.*

Từ những năm cuối thế kỷ XX tới nay, sự phát triển của nhân loại đã bước vào

một bối cảnh mới - bối cảnh toàn cầu hoá. Trong bối cảnh ấy, cùng với biết bao những sự kiện lớn xảy ra, mỗi một quốc gia, mỗi một dân tộc lại luôn tự hỏi: xây dựng và phát triển xã hội như thế nào đây? Trong sự chật chội của trái đất bé nhỏ, sự va chạm và đụng độ của tham vọng và cá tính của các quốc gia, dân tộc khác nhau không chỉ trong lý luận mà cả trong đời sống hiện thực hàng ngày là điều hiển nhiên. Ở một mức độ nào đó, có thể nói, toàn cầu hoá thực chất là sự phát triển và bành trướng của nền kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa ở cấp độ toàn cầu. Cùng với làn sóng công nghiệp hoá, hiện đại hóa mạnh mẽ là những tham vọng nhất thể hoá mọi mặt của toàn thế giới để thống trị toàn cầu của một vài cường quốc. Cùng với đó, chiến tranh, khủng bố... đã làm người ta nhớ đến Đanhilevski trong những hội nghị, những diễn đàn về di sản lý luận của quá khứ.

Khác với cách tiếp cận hình thái kinh tế - xã hội là cách tiếp cận cho rằng, theo những quy luật nội tại bên trong của nền sản xuất tư bản chủ nghĩa, theo mức độ xã hội hoá ngày càng tăng của sản xuất hàng hoá, nhất định sẽ xuất hiện một nền văn minh chung của nhân loại (bởi sản xuất vật chất đã thống nhất thì trước sau gì sản xuất tinh thần cũng phải thống nhất theo), cách tiếp cận văn hoá, văn minh lại chú ý tới bản sắc văn hoá của mỗi loại hình văn hoá - lịch sử. Theo những người ủng hộ cách tiếp cận này, không có sự phát triển tuyến tính của lịch sử, không có những giá trị chung, mà chỉ có những loại hình văn hoá - lịch sử khác biệt cùng nhau tồn tại với những sắc thái riêng biệt của mình. Tất nhiên, giữa các loại hình này vẫn tồn tại những mối quan hệ qua lại chứ không phải là cô lập nhau hoàn toàn. Hầu hết các nhà nghiên cứu vấn đề này đều cho

ràng, Đanhilevski, với lý luận về loại hình văn hoá - lịch sử, đã đặt nền móng cho cách tiếp cận văn hoá và văn minh. Chính trên cơ sở này, Spengler, A.Toynbee, Leônchiev, Friedman, Huntington, Fukuyamar, v.v. đã tiếp tục phát triển cách tiếp cận này cho tới ngày nay. Hàng loạt các công trình của cách tiếp cận này đã được độc giả Việt Nam biết đến như trên đã đề cập. Cách tiếp cận văn hoá, văn minh nhắc nhở mỗi dân tộc chớ có chạy theo những cái được gọi là mới mẻ, là hiện đại mà đánh mất bản sắc văn hoá của dân tộc mình. Mất bản sắc là không còn tổ quốc, không còn quê hương. Mất gốc rễ thì sẽ không biết đi về đâu trong tương lai. Vấn đề đặt ra ở đây là, liệu có thể giữ gìn được bản sắc và phát huy nó trong điều kiện toàn cầu hoá ngày nay?

Nhưng, cũng chính tiếp cận văn hoá, văn minh lại cho thấy rằng, chúng ta không nên cực đoan hay tuyệt đối hoá bản sắc của văn hoá dân tộc. Bản sắc cũng phải luôn vận động và phát triển. Chính phép biện chứng mácxít cũng đã khẳng định rằng, các phạm trù cái chung, cái phổ quát và cái đặc thù, cái riêng luôn nằm trong mối quan hệ biện chứng, chuyển hoá cho nhau. Do đó, gìn giữ và phát huy bản sắc có nghĩa là phải hoà nhập để phát triển mình, nhưng không được hoà tan, không được đánh mất mình, không được bắt chước một cách máy móc, mà phải sáng tạo. Trong sự hoà nhập để phát triển ấy, bản sắc có những tác động tích cực đến quá trình hiện đại hoá, toàn cầu hoá và ngược lại, nhờ toàn cầu hoá và hiện đại hoá, bản sắc văn hoá của dân tộc càng trở nên sâu lắng hơn, phát triển hơn. Chính vì thế, trong lý luận phát triển xã hội ngày nay, cách tiếp cận hình thái kinh tế - xã hội cần phải được kết hợp chặt chẽ với cách tiếp cận văn hoá, văn minh. Lịch sử nhân loại

đã cho thấy không ít những minh chứng về việc kết hợp thành công cái đặc thù với cái phổ quát, cái bản sắc với cái hiện đại, cái dân tộc với cái thời đại. Ví dụ, cuộc cải cách của vua Piôt đệ nhất của nước Nga với phương châm công nghiệp hoá nhưng vẫn giữ truyền thống và phong tục tập quán cổ truyền Nga; khẩu hiệu công nghệ phương Tây với văn hoá truyền thống của Nhật Bản; cách mạng Việt Nam đi từ thắng lợi này tới thắng lợi khác cũng là nhờ luôn biết kết hợp hai ngọn cờ dân tộc và thời đại...

Trong sự phát triển của xã hội ngày nay, không ít những suy tư của Đanhilevski đã hoà nhập vào chủ nghĩa đa văn hoá (multiculturalism). Với chủ nghĩa đa văn hoá, các nền văn hoá đều bình đẳng, không có sự cao thấp, không có sự đồng hoá, mà chỉ có sự tích hợp, chỉ có sự thống nhất trong đa dạng. Các nền văn hoá khác biệt nhau đều có quyền tồn tại và phát triển trong những điều kiện xã hội xác định. Chính trong sự thống nhất mà đa dạng ấy, mỗi nền văn hoá đều tìm cách làm cho mình phong phú hơn, bản sắc hơn nhờ có những giao tiếp và đối thoại với các nền văn hoá khác. Và cũng chính trong sự giao lưu ấy, có lẽ, sẽ hình thành nên một diện mạo văn hoá mới - nền văn hoá toàn cầu. Chủ nghĩa đa văn hoá, đối thoại văn hoá đã trở thành biểu hiện của lòng khoan dung trong khung cảnh của thời đại mới - thời đại toàn cầu hoá.

Ngày nay, khi mà khoa học và triết học đã chuyển sang *hệ hình hậu phi cổ điển*, chúng ta thấy không ít những vấn đề phương pháp luận của Đanhilevski lại được nhắc đến và phát triển mạnh mẽ. Đó chính là lý luận hữu cơ với tên gọi mới *singergetic* thể hiện tính phi tuyến, tính mở, tính bất định và sự tự tổ chức của toàn vũ trụ. Hệ hình này đã đem lại một thế giới quan mới với nhiều triển vọng cho chiến lược phát triển toàn cầu. □